

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỌC VIỆN TÀI CHÍNH**

BỘ TÀI CHÍNH

TRẦN THỊ TUYẾT

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN
TẠI CÁC DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG
THUỘC TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

Chuyên ngành : Kế toán

Mã số : 9.34.03.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI - 2021

**Công trình được hoàn thành
tại Học viện Tài chính**

Người hướng dẫn khoa học: PTS,TS. Trương Thị Thủy

Phản biện 1:

.....

Phản biện 2:

.....

Phản biện 3:

.....

**Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án
cấp Học viện, họp tại Học viện Tài chính**

Vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm 20.....

**Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viện Quốc gia
và Thư viện Học viện Tài chính**

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thực hiện Đề án tái cơ cấu theo Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 17/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ về tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước (DNNN). Các DNNN đã tích cực hoàn thiện hệ thống quy chế quản trị nội bộ, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý, điều hành nhằm tinh giản biên chế, nâng cao khả năng cạnh tranh của DN.

Tổng công ty (TCT) Sông Đà là một DNNN được thành lập từ năm 1961. Hệ thống các chính sách và thủ tục kiểm về TCCTKT được thiết lập và vận hành tại các DN trong TCT hiện nay chưa đáp ứng kịp tốc độ phát triển của các DN, chưa phù hợp với sự thay đổi liên tục mô hình tổ chức quản lý cũng như sự thay đổi của hệ thống các chính sách pháp luật của Nhà nước đối với các lĩnh vực mà các DN thành viên trong TCT tham gia.

Về mặt lý luận, TCCTTKT được nghiên cứu theo nhiều quan điểm khác nhau. Các nội dung này cần được xác định rõ ràng và có mối liên hệ lẫn nhau nhằm mục đích cuối cùng là cung cấp thông tin.

Về mặt thực tiễn, Nghiên cứu thực trạng TCCTTKT trong DN xây dựng thuộc TCT Sông Đà, các DN đã có những kết quả nhất định trong việc tổ chức BMKT; Tổ chức thực hiện, vận dụng các chính sách kinh tế tài chính và kế toán hiện hành; Tổ chức thu thập, xử lý và cung cấp thông tin hỗ trợ hiệu quả cho công tác kế toán DN. Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, TCCTTKT tại các DN này còn một số hạn chế nhất định trong bối cảnh tái cơ cấu doanh nghiệp như hiện nay.

Xuất phát từ yêu cầu tái cơ cấu các DNNN, cũng như xuất phát từ việc phải nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh của các DN trong nền kinh tế thị trường, NCS lựa chọn đề tài: ***“Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại các doanh nghiệp xây dựng thuộc Tổng công ty Sông Đà”*** làm luận án tiến sĩ, với mong muốn kết quả nghiên cứu sẽ góp phần hoàn thiện lý luận và có ý nghĩa thực tiễn nâng cao vai trò của công tác kế toán tại các DN có vốn nhà nước trong bối cảnh tái cơ cấu.

2. Tổng quan các công trình đã nghiên cứu liên quan đến luận án

Qua nghiên cứu một số công trình trong và ngoài nước đã công bố có liên quan đến TCCTTKT theo từng mặt cụ thể trong các loại hình DN khác nhau với những thời gian khác nhau, NCS rút ra kết luận sau:

Các công trình nghiên cứu trên thế giới: Trên thế giới, không có nghiên cứu cụ thể về TCCTTKT, chủ yếu là các nghiên cứu về hệ thống thông tin kế toán, do vậy không có quy định chính thức về tổ chức bộ máy kế toán. Điều này tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động và yêu cầu về tổ chức thông tin theo từng lĩnh vực, bộ phận và khu vực địa lý mà có tổ chức bộ máy kế toán phù hợp đáp ứng được yêu cầu của DN về việc lập BCTC và BCTC hợp nhất.

Các công trình nghiên cứu trong nước: Có thể thấy các công trình nghiên cứu đi sâu nghiên cứu TCCTKT nói chung tại DN hoặc tại các DN thuộc các lĩnh vực khác nhau.

- Trên góc độ nghiên cứu về lý luận TCCTKT, phần lớn các công trình đều tập trung hệ thống hóa lý luận, làm rõ khái niệm, vai trò, nhiệm vụ, nguyên tắc và nội dung TCCTKT hoặc tổ chức hệ thống thông tin. Trên góc độ khảo sát thực tiễn, các công trình đã khảo sát thực trạng về TCCTKT trong các doanh nghiệp thường được thực hiện trên một lĩnh vực nghiên cứu cụ thể như: Ngành may, ngành thép; ngành than; thương mại; Than, khoáng sản; xây dựng...; Các đơn vị sự nghiệp: trường học, bệnh viện,... Trên cơ sở đó đã đề xuất các giải pháp hoàn thiện phù hợp với từng loại hình kinh doanh.

- Phần lớn các đề tài nghiên cứu về nội dung TCCTKT được đưa ra dưới quan điểm công tác kế toán hoặc theo quy trình kế toán. Mặc dù trên những góc độ tiếp cận khác nhau, cách diễn đạt khác nhau nhưng các công trình nghiên cứu về TCCTKT đều có sự thống nhất căn bản về lý luận chung về TCCTKT. NCS đồng tình và kế thừa những vấn đề thuộc về lý luận về TCCTKT trong DN hoạt động theo mô hình CTM-CTC với các khía cạnh về khái niệm, vai trò, nhiệm vụ, nguyên tắc và nội dung TCCTKT trong DN.

Như vậy, một số khoảng trống để NCS tiếp tục nghiên cứu và khai thác trong đề tài của mình, cụ thể như sau:

- Về lý luận TCCTKT trong doanh nghiệp:

+ Quan điểm tiếp cận về TCCTKT trong DN theo quy trình kế toán cũng sẽ được phân tích rõ, Nguyên tắc TCCTKT cần phải phân tích sâu trong bối cảnh Việt Nam đang hội nhập với kế toán quốc tế và sự thay đổi mô hình hoạt động của các doanh nghiệp.

+ Trên cơ sở phân tích đặc điểm các DN xây dựng hoạt động theo mô hình CTM-CTC và các nhân tố ảnh hưởng chi phối đến TCCTKT trong DN. Từ đó chỉ ra nội dung về TCCTKT trong DN xây dựng hoạt động theo mô hình CTM-CTC.

- Về thực tiễn, các công trình nghiên cứu tại TCT Sông Đà tập trung vào một số vấn đề như: Tổ chức hệ thống thông tin kế toán quản trị, Kiểm soát nội bộ; Tái cấu trúc DN; Thẩm định tài chính; Các giải pháp tài chính... mà chưa có công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện về TCCTKT tại các DN xây dựng thuộc TCT Sông Đà. Về công tác kế toán tại các DN xây dựng thuộc TCT Sông Đà còn hạn chế chưa đáp ứng yêu cầu thông tin, đặc biệt là thông tin về BCTCHN và công tác KTQT của DN trong bối cảnh tái cơ cấu.

Từ những nhận xét trên, NCS cho rằng khoảng trống để NCS nghiên cứu đề tài **“Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại các doanh nghiệp xây dựng thuộc Tổng công ty Sông Đà”** là hoàn toàn phù hợp và cần thiết.

3. Mục đích nghiên cứu

Hệ thống hóa và bổ sung các vấn đề mang tính chất lý luận về TCCTKT trong DN xây dựng hoạt động theo mô hình CTM-CTC trên cơ sở phân tích các đặc điểm của các DN xây dựng hoạt động theo mô hình CTM-CTC và các nhân tố ảnh hưởng chi phối đến TCCTKT trong DN này.

Luận án nghiên cứu, phân tích tổng hợp và đánh giá thực tiễn TCCTKT tại các DN xây dựng thuộc TCT Sông Đà cũng như phân tích được các ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế dẫn tới thực trạng như vậy. Tất cả nội dung này được sử dụng làm cơ sở đề ra các giải pháp hoàn thiện.

Luận án nghiên cứu và đề xuất các phương hướng, giải pháp để hoàn thiện TCCTKT tại các DN xây dựng thuộc TCT Sông Đà đặt trong bối cảnh tái cơ cấu DN.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu trong luận án

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là TCCTKT tại các DN xây dựng thuộc TCT Sông Đà. Cụ thể, nghiên cứu lý luận chung về TCCTKT tại các DN xây dựng hoạt động theo mô hình CTM-CTC dưới góc độ KTTC, đặc biệt là nhằm phục vụ lập, trình bày BCTCHN và một số nội dung KTQT. Qua đó, tác giả sẽ đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp hoàn thiện TCCTKT tại các DN xây dựng thuộc TCT Sông Đà.

4.2. Phạm vi nghiên cứu của luận án

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, luận án tập trung nghiên cứu TCCTKT tại CTM-TCT Sông Đà và các công ty xây dựng thành viên thuộc TCT Sông Đà bao gồm các công ty con cấp 1, công ty con cấp 2 và công ty liên kết với công ty mẹ.

Về thời gian: Số liệu khảo sát thực tế trong các DN từ năm 2015 đến 2019.

5. Phương pháp nghiên cứu

❖ Phương pháp luận chung: Phương pháp của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử được sử dụng xuyên suốt quá trình nghiên cứu, nghiên cứu các sự vật hiện tượng trong mối quan hệ biện chứng với nhau.

❖ Phương pháp nghiên cứu cụ thể:

- Phương pháp thu thập dữ liệu: là phương pháp điều tra, quan sát, phỏng vấn, phương pháp kiểm tra tài liệu, kiểm tra vật chất...

- Phương pháp xử lý thông tin: Từ kết quả điều tra, quan sát và phỏng vấn, trên cơ sở tổng hợp tình hình chung và kết quả thu được của các phiếu điều tra tại các công ty thành viên thuộc Tập đoàn, tác giả đã tổng hợp lại, đồng thời phân tích kết quả điều tra để đưa ra một số nhận định, đánh giá về hệ thống KSNB trong các đơn vị được điều tra.

- Phương pháp trình bày kết quả nghiên cứu: Phương pháp quy nạp, phương pháp diễn giải, phương pháp thống kê...

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án

Ý nghĩa khoa học: Luận án là tài liệu nghiên cứu khoa học cho các vấn đề lý luận về tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp nói chung và tổ chức công tác

kế toán trong các doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con nói riêng. Lý luận trong luận án có thể là tiền đề và cơ sở để hoàn thiện và bổ sung lý luận về tổ chức công tác kế toán trong các loại hình doanh nghiệp khác.

Ý nghĩa về mặt thực tiễn:

Bằng việc khảo sát, phân tích, đánh giá các đặc điểm của các DN xây dựng thuộc TCT Sông Đà và các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán, tác giả đã làm rõ nội dung tổ chức công tác kế toán tại Công ty mẹ cũng như các DN xây dựng thành viên trong TCT. Qua đó chỉ ra được những ưu điểm cũng như những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế này.

Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu, các khảo sát và đánh giá, luận án đề xuất những phương hướng, các giải pháp thiết thực để hoàn thiện TCCTKT tại các DN xây dựng thuộc TCT Sông Đà với trọng tâm hướng đến tổ chức lập và trình bày BCTCHN đặt trong bối cảnh tái cơ cấu DN.

Hơn nữa, luận án cũng cung cấp thông tin để các tổ chức đào tạo, tư vấn thiết kế chương trình đào tạo, cập nhật kiến thức cho các nhà lãnh đạo doanh nghiệp sao cho phù hợp với thực tế việc TCCTKT trong giai đoạn hiện nay.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu và kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án được kết cấu thành ba chương:

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán tại các doanh nghiệp xây dựng hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con

Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán tại các doanh nghiệp xây dựng thuộc Tổng công ty Sông Đà

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại các doanh nghiệp xây dựng thuộc Tổng công ty Sông Đà.

Chương 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÁC DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG HOẠT ĐỘNG THEO MÔ HÌNH CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CON

1.1. Những vấn đề tổng quan về tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp

1.1.1. Các quan điểm tiếp cận tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp

Trên cơ sở xem xét các quan điểm khác nhau về TCCTKT và nhận diện vai trò của TCCTKT trong công ty quản lý DN, tác giả đưa ra nhận định về TCCTKT như sau: tổ chức các công việc của kế toán một cách khoa học trên cơ sở gắn kết giữa các công việc kế toán, giữa bộ phận người làm kế toán trong một đơn vị, nhằm thu thập, xử lý, hệ thống hóa và cung cấp thông tin kế toán tài chính ở đơn vị một cách trung thực, kịp thời, đầy đủ và có hiệu quả.

1.1.2. Các nguyên tắc tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp

Thứ nhất, Nguyên tắc tuân thủ

Thứ hai, Nguyên tắc phù hợp

Thứ ba, Nguyên tắc thống nhất

Thứ tư, Nguyên tắc hiệu quả và có tính khả thi

1.1.3. Nhiệm vụ tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp

Một là, tổ chức khoa học và hợp lý công tác kế toán ở đơn vị, tổ chức BMKT phù hợp với điều kiện tổ chức SXKD, tổ chức quản lý và phân cấp quản lý tài chính ở đơn vị.

Hai là, tổ chức thực hiện các phương pháp kế toán, vận dụng chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán, thông lệ kế toán, Luật kế toán đã ban hành và được thừa nhận, lựa chọn hình thức kế toán phù hợp với điều kiện cụ thể của đơn vị.

Ba là, tổ chức áp dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật, khoa học quản lý, tổ chức trang bị và ứng dụng các phương tiện kỹ thuật và thông tin hiện đại vào công tác kế toán; tổ chức bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn, nghiệp vụ quản lý cho cán bộ, nhân viên kế toán; tổ chức kiểm tra kế toán trong nội bộ đơn vị.

1.2. Đặc điểm doanh nghiệp xây dựng hoạt động theo mô hình công ty mẹ - CTC và các nhân tố ảnh hưởng chi phối đến tổ chức công tác kế toán

1.2.1. Khái quát chung về doanh nghiệp hoạt động theo mô hình CTM - CTC

Doanh nghiệp theo mô hình CTM-CTC là tổ hợp các công ty hoạt động trong một ngành hoặc nhiều ngành, ở một nước hay nhiều nước, trong đó có một công ty giữ quyền kiểm soát các công ty còn lại.

Ở Việt Nam, mô hình CTM-CTC không chỉ là một trong các hình thức tổ chức của TĐKT như các nước khác trên thế giới, mà còn là hình thức tổ chức của các TCT nhà nước. Theo quy định hiện hành TĐKT và TCT nhà nước đều là nhóm công ty, gồm CTM, các công ty thành viên và công ty liên kết, điểm khác biệt cơ bản dễ nhận thấy giữa TĐKT và TCT nhà nước là quy mô vốn điều lệ của CTM trong TCT nhỏ hơn trong TĐKT. Việc tổ chức TCT nhà nước theo mô hình CTM-CTC như ở Việt Nam hiện nay với mục đích chủ yếu là chuyển từ liên kết theo kiểu hành chính với cơ chế giao vốn trước đây sang liên kết bền chặt bằng cơ chế đầu tư tài chính, trên cơ sở đó xác định rõ quyền lợi, trách nhiệm về vốn và lợi ích kinh tế giữa CTM với các công ty thành viên.

1.2.2. Đặc điểm doanh nghiệp xây dựng hoạt động theo mô hình công ty mẹ - CTC chi phối đến tổ chức công tác kế toán

1.2.2.1. Đặc điểm về cơ cấu tổ chức hoạt động

Cơ cấu tổ chức của TCT rất đa dạng tùy theo những đặc trưng và yêu cầu quản lý, gồm:

- Cấu trúc giản đơn
- Cấu trúc hỗn hợp.

Đặc điểm này của TCT đã ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán ảnh hưởng tới phạm vi tiến hành tổ chức công tác kế toán và tổ chức BMKT.

1.2.2.2. Đặc điểm tổ chức sản xuất và quản lý của doanh nghiệp xây dựng

Thứ nhất, Đặt điểm về tổ chức hoạt động thi công xây dựng

Với mỗi CT/HMCT xây dựng thường có những đặc điểm, độ phức tạp khác nhau khi tổ chức thi công, do đó việc lựa chọn phương thức tổ chức thi công (thủ công, máy móc,...) cũng sẽ ảnh hưởng đến TCCTKT.

Thứ hai, phương thức tổ chức SXKD của các DN xây dựng phong phú, đa dạng
 Hiện nay các DN xây dựng thường áp dụng cơ chế khoán cho các đơn vị thành viên trực thuộc theo 2 hình thức sau:

Hình thức khoán gọn

Khoán theo khoản mục

1.2.2.3. Đặc điểm về mối quan hệ giữa các doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty mẹ-công ty con

Quan hệ đầu tư vốn

Quan hệ kinh tế - tài chính phát sinh giữa các thành viên

Quan hệ phân phối kết quả

1.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp xây dựng thuộc Tổng công ty có vốn Nhà nước trong bối cảnh tái cơ cấu

1.2.3.1. Các nhân tố bên ngoài

Thứ nhất, Môi trường pháp lý (Chính sách kinh tế - tài chính - kế toán hiện hành đối với doanh nghiệp)

Thứ hai, Sự phát triển các dịch vụ liên quan đến kế toán, kiểm toán hiện nay

1.2.3.2. Các nhân tố bên trong

Thứ nhất, Tình hình thực tế và đặc thù hoạt động của doanh nghiệp

Thứ hai, Nhu cầu thông tin của các đối tượng sử dụng thông tin kế toán và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp

Thứ ba, Nhận thức về yêu cầu tái cơ cấu DNNN và vai trò của công nghệ thông tin

Thứ tư, Nguồn nhân lực và chất lượng nguồn nhân lực kế toán tại đơn vị

1.3. Nội dung tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp

1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Để xây dựng mô hình BMKT trong từng DN thành viên trong TCT một cách khoa học và hợp lý cần phải dựa vào các căn cứ sau: Lĩnh vực hoạt động của đơn vị; Đặc điểm tổ chức SXKD và tổ chức quản lý của đơn vị; Quy mô và phạm vi địa bàn hoạt động của đơn vị; Mức độ phân cấp quản lý, tài chính nội bộ của đơn vị;...

1.3.1.1. Tổ chức bộ máy kế toán trong doanh nghiệp

❖ *Lựa chọn và xây dựng mô hình tổ chức bộ máy kế toán*: Tùy đặc điểm hoạt động của mỗi đơn vị để có thể chọn một trong các mô hình tổ chức bộ máy kế toán sau:

- Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tập trung

- Mô hình tổ chức bộ máy kế toán phân tán

- Mô hình tổ chức bộ máy kế toán hỗn hợp (vừa tập trung, vừa phân tán)

❖ *Mô hình tổ chức công tác kế toán tài chính và kế toán quản trị*

Để tổ chức BMKT tốt, cần căn cứ vào đặc điểm tổ chức và đặc điểm phân cấp quản lý tài chính. Gồm các mô hình sau:

Thứ nhất, mô hình tổ chức KTQT kết hợp với KTTC

Thứ hai, mô hình tổ chức KTQT độc lập với KTTC

Thứ ba, mô hình tổ chức KTTC và KTQT hỗn hợp

1.3.1.2. Tổ chức bộ máy kế toán phục vụ lập BCTC hợp nhất

Để phục vụ hiệu quả quá trình hợp nhất BCTC, cần có sự phân công phân nhiệm rõ ràng cho bộ máy kế toán CTM và các CTC thuộc phạm vi hợp nhất BCTC.

1.3.2. Tổ chức thực hiện, vận dụng các chính sách kinh tế tài chính và kế toán hiện hành

1.3.2.1. Thực trạng tổ chức thực hiện, vận dụng các chính sách kinh tế tài chính và kế toán hiện hành trong doanh nghiệp

Thứ nhất: Căn cứ vào các yêu cầu kế toán chi tiết để xác định đúng các đối tượng tính giá phù hợp với nhu cầu quản lý và đặc thù của từng đối tượng kế toán.

Thứ hai: Thực hiện, vận dụng các nguyên tắc, phương pháp và kỹ thuật tính giá phù hợp với từng loại đối tượng tính giá.

1.3.2.2. Thực trạng tổ chức thực hiện, vận dụng các chính sách kinh tế tài chính và kế toán hiện hành phục vụ lập BCTC hợp nhất

Các thành viên của một TĐKT/TCT tổ chức theo mô hình CTM-CTC có thể vận dụng và lựa chọn các chính sách kế toán khác nhau để xử lý thông tin kế toán, nhưng khi cung cấp thông tin hợp nhất phải đảm bảo nhất quán các chính sách kế toán cho các giao dịch và sự kiện cùng bản chất trong hoàn cảnh tương tự.

1.3.3. Tổ chức thu nhận thông tin kế toán

1.3.3.1. Tổ chức thu nhận thông tin kế toán trong doanh nghiệp

❖ Tổ chức thu nhận thông tin kế toán tài chính

✚ Xây dựng danh mục CTKT trong DN: Trên cơ sở tuân thủ theo quy định được Nhà nước ban hành mà các DN đang áp dụng và thiết lập bổ sung những CTKT cần sử dụng.

✚ Tổ chức lập, duyệt, kiểm tra, hoàn chỉnh và luân chuyển chứng từ kế toán

✚ Tổ chức bảo quản, lưu trữ và hủy bỏ chứng từ kế toán

❖ *Tổ chức thu nhận thông tin kế toán quản trị:* Trên cơ sở nhu cầu thông tin và yêu cầu quản lý của các cấp quản trị DN, bộ phận kế toán quản trị cần xác định và thiết kế các biểu mẫu cần thiết phục vụ cho việc thu nhận các thông tin đáp ứng nhu cầu.

1.3.3.2. Tổ chức thu thập và luân chuyển thông tin giao dịch nội bộ phục vụ lập BCTCHN

Việc thu thập thông tin giao dịch nội bộ thuộc trách nhiệm của tất cả các thành viên và sau đó các tài liệu giao dịch nội bộ được chuyển về phòng kế toán CTM để thực hiện hợp nhất BCTC.

1.3.4. Tổ chức xử lý, hệ thống hóa thông tin kế toán

1.3.4.1. Tổ chức xử lý, hệ thống hóa thông tin kế toán trong doanh nghiệp

❖ Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán

Hệ thống TKKT được xây dựng trên cơ sở hệ thống TKKT thuộc chế độ kế toán DN có sự bổ sung, điều chỉnh về số hiệu, tên gọi của một số TKKT trong hệ thống TKKT ở các chế độ kế toán khác. Trong danh mục TKKT quy định từng TKKT được sử dụng với những loại hình đơn vị cụ thể trong TCT

❖ *Tổ chức vận dụng hình thức kế toán và hệ thống sổ kế toán*

Căn cứ vào đặc điểm, điều kiện hoạt động, yêu cầu và trình độ quản lý, điều kiện trang bị các thiết bị kỹ thuật tính toán và xử lý thông tin, trình độ năng lực chuyên môn của các kế toán viên của DN... có thể lựa chọn hình thức kế toán thích hợp.

1.3.4.2. Thực trạng tổ chức xử lý, hệ thống hóa thông tin phục vụ hợp nhất BCTC

Các công ty thuộc phạm vi hợp nhất BCTC phải tổ chức một hệ thống sổ kế toán chi tiết hoặc sổ phụ phản ánh các giao dịch nội bộ. Quy trình tổ chức xử lý thông tin để thực hiện các kỹ thuật hợp nhất phục vụ lập BCTCHN theo thông lệ kế toán Việt Nam

1.3.5. Tổ chức cung cấp thông tin kế toán

1.3.5.1. Tổ chức lập Báo cáo tài chính trong doanh nghiệp

(a) Hệ thống báo cáo tài chính

Theo Luật kế toán và chế độ kế toán tài chính, BCTC quy định cho các DN bao gồm 4 biểu báo cáo sau: BCĐKT; BCKQHĐKD, BCLCTT; Thuyết minh BCTC.

❖ *Các công việc cần thực hiện trước khi lập BCTC:* Kiểm tra đối chiếu số liệu; Thực hiện kiểm kê tài sản, đối chiếu công nợ, đối chiếu giữa kết quả kiểm kê với số liệu trên sổ kế toán; Hoàn tất việc ghi sổ kế toán

❖ *Những nguyên tắc cơ bản lập và trình bày BCTC:* Hoạt động liên tục; Cơ sở dồn tích; Nhất quán; Trọng yếu và tập hợp; Bù trừ

(b) Hệ thống báo cáo kế toán quản trị

Báo cáo quản trị là BCKT không bắt buộc, được lập tùy theo yêu cầu, mục tiêu quản trị cụ thể và khả năng tổ chức KTQT của mỗi DN, như: BCQT nội bộ phục vụ quản lý tài sản; BCQT phục vụ phân cấp quản lý kinh tế tài chính nội bộ công ty; BCQT phục vụ quản trị kinh doanh,...

1.3.5.2. Tổ chức lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Việc tổ chức tốt hệ thống BCTCHN có ý nghĩa quyết định quan trọng đến chất lượng của thông tin kế toán hợp nhất. Hệ thống BCTC hợp nhất gồm: BCĐKT hợp nhất; Báo cáo KQKD hợp nhất; Báo cáo LCTT hợp nhất và Thuyết minh về sự thay đổi vốn chủ sở hữu.

🚩 *Nội dung chủ yếu của tổ chức hệ thống BCTCHN bao gồm:*

Thứ nhất: Xác định phạm vi hợp nhất BCTC và thống nhất các thủ tục kế toán hợp nhất trong tập đoàn/ TCT.

Thứ hai: Tổ chức xử lý thông tin để thực hiện các kỹ thuật hợp nhất BCTC.

Thứ ba: Tổ chức công bố thông tin tài chính hợp nhất đến các đối tượng sử dụng

➤ *Các phương thức và phương tiện cung cấp công khai thông tin*

❖ *Tổ chức phân tích thông tin kế toán:*

Phân tích thông tin kế toán sẽ cho phép đánh giá tình hình tài chính và hoạt động SXKD của DN nhằm giúp cho các nhà quản lý có thể đánh giá và đưa ra được các quyết định có hiệu quả. Việc tổ chức phân tích BCTC và BCTHN là việc thiết lập trình tự các bước công việc cần tiến hành trong quá trình phân tích, được thực hiện qua các bước sau: *Lập kế hoạch phân tích; Tiến hành phân tích; Kết thúc phân tích*

1.3.6. Tổ chức công tác kiểm tra kế toán

Việc kiểm tra kế toán là công việc của bản thân BMKT được thực hiện thường xuyên trong quá trình thu nhận, xử lý thông tin kế toán và trước khi lập BCTC. Thông thường, khi tổ chức BMKT phải phân công một bộ phận chuyên thực hiện nhiệm vụ kiểm tra kế toán.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Tổ chức tốt công tác kế toán ở các DN nói chung và các DN xây dựng hoạt động theo mô hình CTM-CTC nói riêng đóng góp một phần hết sức quan trọng vào sự phát triển của các DN, thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế của một quốc gia. Kế thừa kết quả nghiên cứu đã có về TCCTKT, NCS đã hệ thống hóa lý luận chung và phát triển nghiên cứu trong bối cảnh kinh tế mới, mang lại các nội dung chính của chương 1 như sau:

Thứ nhất, Khái quát hóa những vấn đề cơ bản về TCCTKT trong DN, bao gồm: các quan điểm tiếp cận, nguyên tắc và nhiệm vụ của TCCTKT trong doanh nghiệp.

Thứ hai, Khái quát chung về DN hoạt động theo mô hình CTM-CTC; Phân tích các đặc điểm của các DN xây dựng hoạt động theo mô hình CTM-CTC và các nhân tố ảnh hưởng chi phối đến TCCTKT trong DN này;

Thứ ba, Trình bày nội dung TCCTKT trong các DN xây dựng hoạt động theo mô hình CTM-CTC trên cơ sở lý luận chung về TCCTKT kết hợp với các yếu tố đặc thù về DN xây dựng hoạt động theo mô hình CTM-CTC.

Chương 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÁC DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG THUỘC TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

2.1. Quá trình hình thành, phát triển, đặc điểm và các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán tại các doanh nghiệp xây dựng thuộc Tổng công ty Sông Đà

2.1.1. Khái quát quá trình hình thành và phát triển Tổng công ty Sông Đà

Tiền thân TCT Sông Đà là một DNNN được thành lập từ năm 1961 (Quyết định số 214/TTg ngày 01/6/1961 của Thủ tướng về việc thành lập Ban chỉ huy Công trường thủy điện Thác Bà), sau đổi tên thành Công ty Xây dựng Thủy điện Thác Bà.

Ngày 26/3/2018, TCT Sông Đà đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông lần đầu chính thức chuyển đổi từ mô hình TCT nhà nước sang mô hình TCT cổ phần. TCT Sông Đà gồm CTM là TCT Sông Đà - CTCP và 13 CTC cấp do chịu sự kiểm soát của CTM trực tiếp và 8 công ty do CTC kiểm soát trực tiếp, 11 công ty liên doanh, liên kết.

2.1.2. Đặc điểm của các doanh nghiệp xây dựng thuộc Tổng công ty Sông Đà ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán

2.1.2.1. Đặc điểm về cơ cấu tổ chức hoạt động

Đặc điểm này của TCT đã ảnh hưởng đến TCCTKT trên các phương diện sau:

Thứ nhất, ảnh hưởng tới phạm vi tiến hành TCCTKT: TCCTKT trong TCT được tiến hành ngay trong từng DN thành viên từ CTM đến các CTC và công ty cháu...

Thứ hai, ảnh hưởng đến việc tổ chức BMKT. Các đơn vị trực lựa chọn việc tổ chức BMKT phù hợp với đơn vị.

2.1.2.2. Đặc điểm tổ chức sản xuất và quản lý của doanh nghiệp xây dựng

Thứ nhất, TCT đầu tư mạnh vào các dự án thủy điện tạo ra đầu ra cho các DN thành viên, góp phần tận dụng được thế mạnh và tạo ra nguồn doanh thu ổn định nên các nhà quản lý TCT nắm rất rõ đặc điểm quá trình hoạt động SXKD của các DN thành viên. Các định hướng chiến lược và chính sách chung của toàn TCT được ban hành sẽ phù hợp, có tính khả thi cao.

Thứ hai, phương thức tổ chức SXKD của TCT và các DN xây dựng thành viên phong phú, đa dạng. Mỗi phương thức tổ chức hoạt động SXKD có những đặc điểm và yêu cầu quản lý riêng, đòi hỏi phải xây dựng quy trình TCCTKT cho phù hợp.

2.1.2.3. Mối quan hệ giữa Tổng công ty Sông Đà với các doanh nghiệp thành viên

Với mối quan hệ phối hợp hoạt động giữa TCT và các DN xây dựng thành viên được đánh giá tương đối chặt chẽ trên nhiều mặt, đòi hỏi việc thực hiện TCCTKT của các DN này cần đặt trong mối quan hệ phối hợp hoạt động với TCT:

- TCT không chỉ TCCTKT từ việc thu nhận thông tin; xử lý hệ thống hóa thông tin đến việc cung cấp thông tin tại chính tại TCT mà còn có trách nhiệm ban hành các quy trình, quy chế, định mức chung thống nhất về TCCTKT trong phạm vi toàn TCT để đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu DN nhằm phục vụ lập và trình bày BCTCHN.

- TCCTKT của các DN thành viên được xây dựng vừa phải phù hợp với đặc điểm, yêu cầu quản lý riêng của công ty mình vừa phải tuân thủ các quy chế, định mức chung áp dụng thống nhất của toàn TCT đã được ban hành.

2.1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp xây dựng thuộc Tổng công ty có vốn Nhà nước

2.1.3.1. Các nhân tố bên ngoài

Thứ nhất, Môi trường pháp lý (Chính sách kinh tế - tài chính - kế toán hiện hành đối với doanh nghiệp)

Đối với DN xây dựng thì môi trường pháp lý về kế toán bao gồm các quy định pháp lý về kế toán áp dụng chung cho các DN và các quy định pháp lý về kế toán áp dụng như: Luật Kế toán, hệ thống các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán,...

Thứ hai, Sự phát triển các dịch vụ liên quan đến kế toán, kiểm toán hiện nay

Hiện nay, nhiều DN có vốn đầu tư nước ngoài đang áp dụng VAS trong việc lập BCTC, cho nên họ sẽ là đối tượng chịu ảnh hưởng nhiều nhất từ việc áp dụng VAS và việc chuyển đổi ra IFRSs. Nếu không chuẩn hóa theo yêu cầu của chuẩn mực quốc tế thì những thông tin cung cấp sẽ không có ý nghĩa với các đối tượng sử dụng thông tin.

2.1.3.2. Các nhân tố bên trong

Thứ nhất, Tình hình thực tế và đặc thù hoạt động của TCT Sông Đà và các DN xây dựng thành viên

Môi trường kinh doanh của TCT Sông Đà và các thành viên hoạt động khá phức tạp là do tính chất đặc thù ngành xây dựng cho nên ảnh hưởng đến việc xử lý thông tin, mã hóa cho từng công trình cho phù hợp để theo dõi được từng CT/HMCT.

Thứ hai, Nhu cầu thông tin của các đối tượng sử dụng thông tin kế toán

Các nhà quản trị tại các DN đều quan tâm đến thông tin kế toán, sử dụng nhằm phục vụ các mục đích: lập kế hoạch, kiểm soát; ra quyết định,... Đặc điểm này ảnh hưởng đến việc tổ chức cung cấp thông tin từ các BCKT; trong đó có BCTC và đặc biệt là quản trị của từng DN dẫn đến ảnh hưởng việc lập BCTCHN.

Thứ ba, Nhận thức về yêu cầu tái cơ cấu doanh nghiệp và vai trò của CNTT trong công tác kế toán

➤ *Tình hình thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp*

Tình hình thực hiện tái cơ cấu về ngành nghề kinh doanh, quản lý tổ chức điều hành sản xuất, tài chính tín dụng, về nguồn nhân lực đều ảnh hưởng đến TCCKT trong TCT Sông Đà và các DN xây dựng thành viên trên các phương diện sau:

- Ảnh hưởng đến tổ chức bộ máy kế toán: phù hợp với việc tái cơ cấu nguồn nhân lực và tái cơ cấu điều hành SXKD.

- Ảnh hưởng đến tổ chức thu nhận thông tin kế toán: sử dụng các chứng từ hướng dẫn sử dụng trong nội bộ phù hợp cho việc thu nhận những thông tin đặc thù của DN.

- Ảnh hưởng đến tổ chức xử lý và hệ thống hóa thông tin: áp dụng hệ thống TKKT thống nhất do Nhà nước ban hành và mở một số tài khoản đặc thù và mở chi tiết thành nhiều cấp để đảm bảo đặc điểm và yêu cầu quản lý đáp ứng tái cơ cấu DN.

- Ảnh hưởng đến tổ chức cung cấp thông tin kế toán: ngoài việc phải thực hiện lập các BCTC riêng còn phải tổ chức hướng dẫn, kiểm tra và thực hiện lập BCTCHN của cả TCT theo đúng quy định của chuẩn mực.

- Ảnh hưởng đến tổ chức công tác kiểm tra kế toán: quy định chặt chẽ việc đảm bảo việc thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin hữu ích và đáng tin cậy.

➤ *CMCN 4.0 đang và sẽ tác động sâu sắc đến công tác kế toán trong DN.* Phần lớn các DN thuộc TCT Sông Đà đều sử dụng phần mềm kế toán SAS. Một số chi nhánh, văn phòng sử dụng các phần mềm khác như: BRAVO, Fast Accounting, Effect...

Thứ tư, Nguồn nhân lực và chất lượng nguồn nhân lực kế toán tại đơn vị: ảnh hưởng trực tiếp đến việc tổ chức BMKT của DN nhằm đảm bảo cho việc thu nhận thông tin; xử lý thông tin và cung cấp thông tin kế toán.

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán tại các doanh nghiệp xây dựng thuộc Tổng công ty Sông Đà

2.2.1. Thực trạng tổ chức bộ máy kế toán

2.2.1.1. Thực trạng tổ chức bộ máy kế toán của các DN xây dựng thành viên

(a). Lựa chọn và xây dựng mô hình tổ chức bộ máy kế toán

❖ *Tổ chức mô hình bộ máy kế toán tại CTM - TCT Sông Đà:* Căn cứ vào quy mô hoạt động và trình độ quản lý tại từng DN, TCT quy định cho từng DN thực hiện hạch toán độc lập hoặc hạch toán phụ thuộc. Chính vì đặc điểm này mà TCT Sông Đà thường tổ chức mô hình BMKT theo mô hình vừa tập trung vừa phân tán.

❖ *Tổ chức bộ máy kế toán tại các đơn vị, chi nhánh hạch toán phụ thuộc:* không tổ chức BMKT riêng hoặc có tổ chức BMKT nhưng chủ yếu là thu nhận, xử lý và tổng hợp các chứng từ ban đầu, sau đó chuyển toàn bộ chứng từ này cùng các tài liệu tổng hợp về Ban tài chính, kế toán của TCT để tiến hành xử lý.

❖ *Tổ chức BMKT tại các DN xây dựng thành viên hạch toán độc lập:* Các DN xây dựng hoạt động theo mô hình CTM - CTC gồm nhiều đơn vị, xí nghiệp. Các đơn vị này đều là các đơn vị hạch toán độc lập, có tổ chức BMKT riêng, và đều lập BCTC. Tùy theo đặc điểm hoạt động, quy mô SXKD; tính chất phức tạp và đa dạng của các loại nghiệp vụ trong ngành nên BMKT tại các đơn vị này sẽ tổ chức theo hình thức kế toán khác nhau.

(b) Mô hình tổ chức công tác kế toán tài chính và kế toán quản trị

Việc tổ chức bộ phận kế toán quản trị tại các Công ty này chủ yếu là kết hợp với bộ máy kế toán tài chính và trên cùng một phần hành kế toán của công ty.

2.2.1.2. Thực trạng tổ chức bộ phận kế toán lập BCTC hợp nhất

Ở phòng kế toán những công ty hoạt động theo mô hình CTM-CTC vừa phải thực hiện lập BCTC tổng hợp, vừa phải lập BCTCHN nếu không có sự phân công chuyên môn hóa tốt sẽ dễ dẫn đến chậm nộp và công bố thông tin.

2.2.2. Thực trạng tổ chức thực hiện, vận dụng các chính sách kinh tế tài chính và kế toán hiện hành

2.2.2.1. Thực trạng tổ chức thực hiện, vận dụng các chính sách kinh tế tài chính và kế toán hiện hành tại TCT Sông Đà và các DN xây dựng thành viên

TCT Sông Đà không xây dựng chính thức một hệ thống chính sách kế toán chung cho toàn TCT. Mỗi một công ty thành viên đều có chính sách kế toán riêng trên cơ sở tuân thủ và vận dụng hệ thống pháp lý kế toán Việt Nam một cách phù hợp.

Chính sách kế toán không nhất quán trong TCT, thiếu hướng dẫn, quy định nội bộ từ trên TCT Sông Đà đối với việc đánh giá sản phẩm dở, xác định chi phí SXKD dở dang cuối kỳ, dẫn đến một số DN thực hiện xác định chi phí SXKD dở dang chưa phù hợp

Thứ nhất: Căn cứ vào các yêu cầu kế toán chi tiết để xác định đúng các đối tượng tính giá phù hợp với nhu cầu quản lý và đặc thù của từng đối tượng kế toán.

Thứ hai: Thực hiện, vận dụng các nguyên tắc, phương pháp và kỹ thuật tính giá phù hợp với từng loại đối tượng tính giá. Cụ thể đối với các đối tượng chủ yếu sau:

2.2.2.2. Thực trạng tổ chức thực hiện, vận dụng các chính sách kinh tế tài chính và kế toán hiện hành phục vụ lập BCTC hợp nhất

Chính sách kế toán giữa các công ty thành viên TCT Sông Đà về cơ bản không tồn tại những khác biệt lớn cần điều chỉnh cho mục đích hợp nhất BCTC, trừ nội dung liên quan phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang.

2.2.3. Thực trạng tổ chức thu nhận thông tin kế toán

2.2.3.1. Thực trạng tổ chức thu nhận thông tin kế toán tại TCT Sông Đà và các DN xây dựng thành viên

🚧 *Tổ chức xây dựng hệ thống danh mục chứng từ kế toán trong doanh nghiệp:* Trên cơ sở hệ thống CTKT do BTC ban hành, Ban/Phòng Tài chính - Kế toán của

TCT Sông Đà và các DN xây dựng thành viên có trách nhiệm xây dựng danh mục CTKT để phản ánh đầy đủ các NVKTTC phát sinh phù hợp cho việc thu nhận thông tin đặc thù DN

✚ *Tổ chức lập, duyệt, kiểm tra, hoàn chỉnh và luân chuyển chứng từ kế toán*

- *Công tác lập chứng từ kế toán*: Quy trình thu nhận thông tin tại các DN xây dựng thành viên chưa quy định bằng văn bản trình tự lập và luân chuyển CTKT.

- *Công tác kiểm tra CTKT*: công tác kiểm tra lần đầu được giao cho của người làm kế toán, kế toán phụ trách phân hành đó. Sau đó, kế toán trưởng hoặc kế toán tổng hợp là người kiểm tra lần hai đã phát hiện được những thiếu sót, sau đó chỉnh sửa cho phù hợp.

- *Tổ chức luân chuyển CTKT*: Các CTKT sau khi được lập, thu nhận ở các xí nghiệp, tổ đội xây dựng chậm luân chuyển về phòng tài chính kế toán công ty chưa kịp thời nên ảnh hưởng tới việc ghi sổ, tổng hợp số liệu.

✚ *Tổ chức bảo quản, lưu trữ và hủy bỏ chứng từ kế toán*: chủ yếu mới thực hiện việc phân loại, sắp xếp tài liệu và tổ chức kho lưu trữ; còn tổ chức ghi chép theo dõi tài liệu lưu trữ và phân công trông coi, bảo quản kho chưa được các DN quan tâm thực hiện.

2.2.3.2. Thực trạng về tổ chức thu thập và luân chuyển thông tin giao dịch nội bộ phục vụ lập BCTC hợp nhất

Hiện nay tài liệu nguồn về giao dịch nội bộ TCT Sông Đà còn thiếu hụt nhiều do không thu thập được đầy đủ tại các công ty thành viên, nhất là với các CTC cấp 2 có CTM trực hệ phải lập BCTC hợp nhất.

2.2.4. Thực trạng tổ chức xử lý và hệ thống hóa thông tin kế toán

2.2.4.1. Thực trạng tổ chức xử lý, hệ thống hóa thông tin kế toán tại TCT Sông Đà và các DN xây dựng thành viên

❖ *Thực trạng tổ chức hệ thống tài khoản kế toán*

Hệ thống TKKT được xây dựng trên cơ sở vận dụng hệ thống TKKT trong Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành, nhưng có sửa đổi, bổ sung, đổi tên một số TKKT theo quy định tại TT195/2012/TT-BTC về Chế độ kế toán đơn vị chủ đầu tư.

❖ *Thực trạng tổ chức vận dụng hình thức kế toán và sổ kế toán*:

- Hệ thống SKT tổng hợp và SKT chi tiết được thiết kế trên phần mềm kế toán tại các DN đã cung cấp được thông tin về các NVKTTC phát sinh

- Tổ chức vận dụng hình thức kế toán, qua khảo sát thực tế cho thấy 100% các DN xây dựng thành viên đang áp dụng là hình thức kế toán nhật ký chung

2.2.4.2. Thực trạng tổ chức xử lý, hệ thống hóa thông tin phục vụ hợp nhất BCTC

TCT Sông Đà đã ban hành Sổ tay hợp nhất cùng các biểu mẫu phục vụ hợp nhất nhưng thực tế chưa áp dụng một cách triệt để tại từng thành viên.

2.2.5. Thực trạng tổ chức cung cấp thông tin kế toán

2.2.5.1. Thực trạng tổ chức lập BCTC ở TCT Sông Đà và các DN xây dựng thành viên

(a). Hệ thống Báo cáo tài chính

✚ **Tại Tổng công ty Sông Đà:** TCT vừa phải lập BCTC tổng hợp, vừa phải lập BCTC hợp nhất thì phải lập BCTC tổng hợp trước.

✚ **Tại các DN xây dựng thành viên hoạt động theo mô hình CTM - CTC:** tổ chức bộ máy quản lý bao gồm các đơn vị thành viên, chi nhánh hạch toán phụ thuộc. Các đơn vị thành viên lập BCTC riêng, chi nhánh lập BCTC, cuối kỳ gửi về phòng kế toán.

(b). Về hệ thống BCQT: Các cấp lãnh đạo rất quan tâm tới thông tin trình bày trên các BCQT để phục vụ kịp thời điều hành hoạt động SXKD và cho rằng nhu cầu tổ chức hệ thống thông tin kế toán phục vụ quản lý rất cần thiết.

2.2.5.2. Thực trạng tổ chức lập BCTC hợp nhất

❖ Khái quát cơ cấu tổ chức TCT Sông Đà chi phối đến phạm vi hợp nhất BCTC

Sự hình thành TCT Sông Đà theo mô hình CTM-CTC mang đặc điểm chung của hầu hết các CTM-CTC Việt Nam dựa trên cơ sở tái cấu trúc TCT. TCT Sông Đà có hai cấp CTC nên việc hợp nhất BCTC phải qua hai giai đoạn:

- (1) Các CTC cấp 1 thực hiện hợp nhất BCTC với CTC cấp 2 (nếu có);
- (2) TCT Sông Đà- CTM thực hiện hợp nhất BCTC với các CTC cấp 1

❖ Thống nhất thủ tục điều chỉnh - loại trừ ảnh hưởng của các giao dịch nội bộ - Tại CTM - TCT Sông Đà: Trình tự lập BCTCHN gồm hai bước:

(1) Cộng các khoản mục tương ứng thuộc các BCTC sử dụng để hợp nhất. Các BCTC được sử dụng để hợp nhất gồm: BCTC riêng của công ty mẹ TCT Sông Đà; BCTC riêng của các công ty con cấp 1 không phải lập BCTCHN; BCTCHN của các công ty con cấp 1 phải lập BCTCHN với công ty con cấp 2

(2) Điều chỉnh, loại trừ các giao dịch nội bộ.

- **Tại CTC cấp 1 phải hợp nhất BCTC với CTC cấp 2:** gồm 2 bước sau:

(1) Cộng các khoản mục tương ứng thuộc các BCTC sử dụng để hợp nhất. Các BCTC được sử dụng để hợp nhất gồm: BCTC riêng của CTC cấp 1; BCTC riêng của CTC cấp 2.

(2) Điều chỉnh, loại trừ các giao dịch nội bộ.

✚ Hệ thống BCTCHN của TCT Sông Đà và quá trình triển khai lập BCTCHN

Hệ thống BCTCHN của TCT Sông Đà và các DN thành viên hoạt động được lập theo định kỳ năm dương lịch, bao gồm 4 báo cáo: Bảng cân đối kế toán hợp nhất; Báo cáo KQHĐ hợp nhất; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất; Thuyết minh BCTC hợp nhất

✚ Về tổ chức lập các BCTC hợp nhất của TCT Sông Đà:

- Tổ chức lập BCĐKT hợp nhất của TCT Sông Đà: được lập trước hết theo thông lệ kế toán Việt Nam quy định. Các kỹ thuật hợp nhất đối với BCĐKT của

TCT Sông Đà tập trung vào các bút toán điều chỉnh khoản đầu tư của CTM tại các CTC cấp 1.

➤ *Về tổ chức lập các BCTCHN của các CTC cấp 1 có CTC thuộc phạm vi hợp nhất*

➤ *Thực trạng tổ chức cung cấp và công bố thông tin tài chính hợp nhất*

TCT Sông Đà và hầu hết các công ty con đã niêm yết trên TTCK tập trung HOSE, HNX, hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom

❖ *Thực trạng tổ chức phân tích thông tin kế toán:* Phân tích thông tin kế toán được thực hiện định kỳ hoặc theo yêu cầu của lãnh đạo DN.

2.2.6. Thực trạng tổ chức công tác kiểm tra kế toán

Công tác kiểm tra kế toán cần phải được thực hiện thường xuyên, định kỳ và đột xuất trong các khâu thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin.

Công tác kiểm tra kế toán tại TCT Sông Đà và các DN xây dựng thành viên nhìn chung đúng quy định.

2.3. Đánh giá thực trạng tổ chức công tác kế toán tại các doanh nghiệp xây dựng thuộc Tổng công ty Sông Đà

2.3.1. Ưu điểm

Thứ nhất, Về tổ chức mô hình bộ máy kế toán: Đội ngũ kế toán trong TCT và các DN xây dựng thành viên đều có trình độ chuyên môn, có tính kỷ luật cao và thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn nhất là khi có sự thay đổi nào đó, đặc biệt là trong giai đoạn cổ phần hóa. Cơ cấu tổ chức của CTM và các DN thành viên trong TCT được xây dựng tương đối thống nhất.

Thứ hai, Về tổ chức thực hiện, vận dụng các chính sách kinh tế tài chính và kế toán hiện hành: các DN này đã tính đến đặc điểm hoạt động SXKD của DN và vận dụng linh hoạt các quy định của Nhà nước về kế toán, tài chính vào tình hình cụ thể của từng đơn vị để lựa chọn mô hình tổ chức kế toán, các chính sách kế toán phù hợp và nhất quán.

Thứ ba, Về tổ chức thu nhận thông tin kế toán: đã được chuẩn hóa thông qua việc quy định cụ thể biểu mẫu, cũng như quy trình luân chuyển CTKT cho từng loại NVKTTTC đảm bảo CTKT phải có sự soát xét, kiểm tra trước khi ghi sổ.

Thứ tư, Về hệ thống hóa và xử lý thông tin kế toán: Về hệ thống TKKT: Được vận dụng phù hợp với đặc điểm và yêu cầu quản lý của từng DN. Đồng thời, các DN này đã có sự quan tâm đến trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật cho công tác kế toán nhằm nâng cao hiệu suất của công tác kế toán, tiết kiệm thời gian và sức lao động kế toán. Về hệ thống sổ kế toán và hình thức kế toán, phù hợp với điều kiện áp dụng cho các DN.

Thứ năm, Về cung cấp thông tin kế toán: TCT Sông Đà và các DN xây dựng thành viên thực hiện chế độ lập và gửi BCTC tuân thủ theo đúng Chế độ kế toán hiện hành. Đồng thời, các DN đã tiến hành lập một số BCQT và báo cáo bộ phận theo từng xí nghiệp, chi nhánh nhằm phục vụ công tác quản trị nội bộ và đánh giá hiệu quả hoạt động.

Thứ sáu, Về công tác kiểm tra kế toán: TCT và một số DN thành viên đã thành lập Hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc HĐTV để thực hiện chức năng tư vấn, giúp việc cho HĐTV trong công tác kiểm tra, kiểm soát các mặt hoạt động của đơn vị.

2.3.2. Hạn chế

2.3.2.1. Hạn chế tổ chức công tác kế toán tại các DN xây dựng thành viên

Thứ nhất, Hạn chế trong việc tổ chức bộ máy kế toán

Lựa chọn mô hình tổ chức bộ phận KTQT kết hợp với kế toán tài chính trên cùng một phần hành kế toán mà chưa có tổ chức phận ban KTQT riêng.

Sự phân công công việc trong BMKT còn chưa có sự rõ ràng giữa KTTC và KTQT nên việc cung cấp thông tin còn hạn chế.

Thứ hai, Hạn chế trong việc tổ chức thực hiện, vận dụng các chính sách kinh tế, tài chính và kế toán hiện hành

Khung pháp lý và luật pháp vẫn chưa được đổi mới tương xứng với tốc độ phát triển kinh tế và đang trong quá trình nỗ lực xây dựng và hoàn thiện.

Thứ ba, Hạn chế trong việc thu nhận thông tin kế toán

- Việc ghi chép các yếu tố trên CTKT: Chưa đầy đủ, kịp thời. Thông tin giao dịch nội bộ không được thể hiện rõ trên chứng từ gây khó khăn cho công tác hợp nhất BCTC;

- Tổ chức luân chuyển chứng từ tuy đã được quy định nhưng chưa thực sự khoa học nên thông tin để thực hiện các giao dịch đôi khi còn bị chậm trễ, xử lý thông tin còn bị chông chéo giữa các bộ phận.

- Công tác kiểm tra, xử lý chứng từ chưa được thực hiện thường xuyên.

- Trình độ, kinh nghiệm của nhân viên kế toán trong công tác kế toán còn nhiều hạn chế nhưng lại kiêm nhiệm thêm nhiều công việc khác nên còn có nhiều sai sót.

Thứ tư, Hạn chế trong việc xử lý, hệ thống hóa thông tin kế toán

- *Về tổ chức vận dụng hệ thống TKKT:* Hệ thống TKTK được sử dụng tại các đơn vị về số lượng cấp TKKT chi tiết chưa được mở nhiều để theo dõi cho nhiều đối tượng kế toán, Việc mở tài khoản và hạch toán các NCKTTC có cùng bản chất trong hoàn cảnh tương tự giữa các DN thành viên trong TCT chưa có sự thống nhất làm ảnh hưởng tới thông tin kế toán cung cấp, gây khó khăn cho kế toán trong việc hợp nhất BCTC.

- *Về tổ chức vận dụng hình thức kế toán và sổ kế toán:* Việc thiết kế các sổ kế toán chi tiết thì thực hiện chưa đầy đủ và đồng bộ cả về mẫu sổ và các chỉ tiêu phản ánh trên sổ. Các DN này không thực hiện in sổ kế toán hàng tháng mà in sổ kế toán theo năm nên có thể mất số liệu nếu phần mềm kế toán của đơn vị gặp sự cố, hoặc số liệu bị người sử dụng tự ý sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh.

Thứ năm, Hạn chế trong việc cung cấp thông tin kế toán

- *Về tổ chức hệ thống BCTC*

+ *Trong khâu tổ chức lập BCTC:* Các thủ tục thực hiện trước khi lập BCTC chưa được các đơn vị thực hiện nghiêm túc theo quy định hiện hành làm ảnh hưởng đến chất lượng thông tin kế toán cung cấp.

+ *Trong khâu tổ chức lập BCQT*: BCQT tại các DN thành viên chưa được quan tâm chú trọng, chưa đi sâu vào quản trị cho từng phần hành kế toán.

Thứ sáu, Hạn chế trong việc công tác kiểm tra kế toán

- Thường thực hiện công tác kiểm tra kế toán vào cuối quý, cuối năm trước khi lập BCTC nên khó phát hiện kịp thời những sai sót.

- Việc thực hiện kiểm tra chỉ giao cho một hoặc một số người khiến công tác kiểm tra kế toán thường chỉ giao cho một hoặc một số người khiến công tác kiểm tra kế toán thực hiện chưa được toàn diện, chỉ mang tính hình thức và còn nhiều sai sót.

2.3.2.2. Những hạn chế trong tổ chức công tác kế toán phục vụ hợp nhất BCTC

Một là, Hạn chế trong việc tổ chức bộ máy kế toán: Khối lượng công việc của kế toán khá cồng kềnh, nếu không có sự phân công chuyên môn hóa tốt sẽ dễ dẫn đến chậm nộp và công bố thông tin.

Hai là, Hạn chế trong việc tổ chức thực hiện, vận dụng các chính sách kinh tế, tài chính và kế toán hiện hành phục vụ lập BCTCHN: Việc đánh giá sản phẩm dở, xác định chi phí SXKD dở dang cuối kỳ của các DN thành viên có sự khác nhau, không nhất quán trong toàn TCT, thiếu hướng dẫn, quy định nội bộ từ trên TCT Sông Đà.

Ba là, Hạn chế trong việc tổ chức thu nhận và luân chuyển tài liệu giao dịch nội bộ để phục vụ hợp nhất BCTC

Tuy có xây dựng chủ trương về mô hình tổ chức thu thập luân chuyển tài liệu nội bộ phục vụ hợp nhất BCTC nhưng chưa được quán triệt và hướng dẫn cụ thể.

Việc loại trừ ảnh hưởng của các giao dịch nội bộ đối với các khoản công nợ, doanh thu, giá vốn hàng bán, lãi/lỗ nội bộ chưa thực hiện.

Bốn là, Hạn chế trong việc tổ chức xử lý, hệ thống hóa thông tin để lập BCTCHN

TCT đã ban hành Sổ tay hợp nhất cùng các biểu mẫu phục vụ hợp nhất nhưng thực tế chưa áp dụng một cách triệt để tại từng thành viên.

Năm là, Hạn chế trong việc lập BCTCHN

- *Hạn chế trong việc tổ chức lập BCTC hợp nhất*: TCT Sông Đà tuy có xây dựng chủ trương về mô hình tổ chức thu thập luân chuyển tài liệu nội bộ phục vụ hợp nhất BCTC nhưng chưa được quán triệt và hướng dẫn cụ thể

- *Về tổ chức phân tích thông tin kế toán*: Tại các DN xây dựng hiện nay chưa có bộ phận phân tích BCTC chuyên trách mà do phòng Tài chính - Kế toán kiêm nhiệm, do đó công tác này thực sự chưa hiệu quả.

2.3.3. Nguyên nhân hạn chế

2.3.3.1. Nguyên nhân khách quan

Một là, hệ thống các văn bản pháp lý của các DN xây dựng có vốn đầu tư của Nhà nước, lĩnh vực tài chính kế toán, về lĩnh vực thi công xây dựng còn có nhiều bất cập.

Hai là, Các dự án xây dựng dừng thi công do lệnh cách ly toàn xã hội, tiến độ triển khai thi công tại các công trình dự án chậm, người lao động phải nghỉ, máy móc thiết bị chờ việc, tình hình thanh toán chậm do các chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến hiệu quả SXKD của DN suy giảm. Vì vậy các DN này phải giảm các chi phí quản lý trong đó có chi phí để xây dựng và vận hành TCCTKT thích hợp.

2.3.3.2. Nguyên nhân chủ quan

Một là, sự thay đổi liên tục mô hình hoạt động của TCT gây ra những khó khăn về tổ chức, quản trị, điều hành. Mỗi lần thay đổi mô hình hoạt động, quản lý gây ra các xáo trộn về các công tác tổ chức hoạt động quản lý và công tác kế toán để cung cấp thông tin phục vụ yêu cầu quản lý còn hạn chế, chưa có kinh nghiệm cần thiết để tổ chức mô hình BMKT phù hợp với mục đích phục vụ cho lập BCTC hợp nhất.

Hai là, việc định hướng, xây dựng và tổ chức thực hiện các quy chế quản lý, điều hành và các tiêu chuẩn, định mức áp dụng thống nhất trong toàn TCT còn mờ nhạt.

Ba là, trình độ quản lý của các nhà quản lý và đội ngũ người làm kế toán còn hạn chế và chưa đầy đủ.

Bốn là, nguyên nhân chủ yếu được xác định là do thiếu cơ sở dữ liệu nguồn về các giao dịch nội bộ trong việc hợp nhất BCTCHN

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trong chương này, Luận án đã tập trung vào việc trình bày, phân tích, đánh giá và tổng hợp các vấn đề thực tiễn tổ chức công tác kế toán nhằm phục vụ lập và trình bày BCTCHN tại các DN xây dựng thuộc TCT Sông Đà đặt trong bối cảnh tái cơ cấu DN theo các nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất: Phân tích các đặc điểm và các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán tại các doanh nghiệp xây dựng thuộc TCT Sông Đà trong bối cảnh tái cơ cấu.

Thứ hai: Phân tích, đánh giá và tổng hợp trên cơ sở nghiên cứu các quy định pháp lý kế toán tính đến thời điểm hiện tại của Việt Nam đối với các doanh nghiệp xây dựng. kết quả của nghiên cứu này là cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện môi trường pháp lý kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp xây dựng.

Thứ ba: Đánh giá những ưu điểm và những hạn chế về thực trạng tổ chức công tác kế toán tại các DN xây dựng thuộc TCT đặt trong bối cảnh tái cơ cấu. Kết quả của việc nghiên cứu nội dung này là cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nhằm phục vụ lập và trình bày BCTCHN tại TCT và các DN xây dựng thành viên trong bối cảnh tái cơ cấu; Đề xuất với Nhà nước các giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp lý kế toán áp dụng cho doanh nghiệp xây dựng trong giai đoạn cổ phần hóa và các điều kiện cho việc hoàn thiện.

Chương 3

HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÁC DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG THUỘC TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

3.1. Định hướng phát triển và hoàn thiện công tác tái cơ cấu Tổng công ty Sông Đà và các doanh nghiệp xây dựng thành viên

3.1.1. Định hướng phát triển của Tổng công ty Sông Đà

Thứ nhất: Xã hội hóa nguồn vốn kinh doanh, bổ sung vốn cho hoạt động SXKD của TCT. Tiếp tục mở rộng thị trường tại các vùng kinh tế trọng điểm, các thành phố lớn.

Thứ hai: Tổng công ty nỗ lực trở thành một Tổng công ty vững mạnh, tập trung vào ngành nghề kinh doanh chính.

Thứ ba: Nâng cao hiệu quả hoạt động và sức cạnh tranh trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế nâng cao hiệu quả sử dụng vốn Nhà nước.

Thứ tư: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị doanh nghiệp tại Công ty mẹ và các đơn vị thành viên.

3.1.2. Hoàn thiện công tác tái cơ cấu Tổng công ty Sông Đà và các doanh nghiệp xây dựng thành viên

Tái cơ cấu TCT Sông Đà và các DN xây dựng thành viên cần phải được triển khai đồng bộ, toàn diện theo đề án được phê duyệt. Đề án tái cơ cấu và quá trình thực hiện đề án sẽ dẫn tới các thay đổi có khả năng tác động đến nhiều mặt hoạt động của DN.

3.2. Các nguyên tắc cơ bản để hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại các doanh nghiệp xây dựng thuộc Tổng công ty Sông Đà

Thứ nhất, Nguyên tắc tuân thủ pháp luật, cơ chế chính sách kinh tế - tài chính - kế toán của Việt Nam

Thứ hai, Nguyên tắc phù hợp

Thứ ba, Nguyên tắc kế thừa và thống nhất.

Thứ tư, Nguyên tắc khả thi và hiệu quả

Thứ năm, Nguyên tắc đáp ứng vận dụng công nghệ thông tin

3.3. Giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại các doanh nghiệp xây dựng thuộc Tổng công ty Sông Đà trong bối cảnh tái cơ cấu và ứng dụng CNTT

3.3.1. Hoàn thiện mô hình tổ chức bộ máy kế toán

3.3.1.1. Hoàn thiện tổ chức bộ máy kế toán ở các DN thành viên thuộc TCT Sông Đà

+ Phân công lao động kế toán phù hợp với khối lượng công việc và trình độ khả năng của mỗi người, cũng như phù hợp với điều kiện của DN.

- rà soát sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các chính sách nhân sự; Quy hoạch tốt cán bộ, củng cố, nâng cao chất lượng đào tạo để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao;

- Cơ cấu lại lực lượng lao động theo hướng tinh giảm bộ máy gián tiếp tại TCT.
- + Hoàn thiện mô hình tổ chức BMKT tại các DN này theo hướng kết hợp thực hiện KTTC và KTQT trong cùng một BMKT cần có sự phân công rõ ràng bằng văn bản về nhiệm vụ, chức trách, nội dung công việc cụ thể của từng bộ phận kế toán.

3.3.1.2. Hoàn thiện tổ chức bộ máy kế toán lập BCTCHN

Phân công tổ công tác lập BCTC hợp nhất riêng biệt để thực hiện công việc chuyên môn hóa.

3.3.2. Hoàn thiện tổ chức thực hiện, vận dụng các chính sách kinh tế tài chính và kế toán hiện hành

3.3.2.1. Hoàn thiện tổ chức thực hiện, vận dụng các chính sách kinh tế tài chính và kế toán hiện hành tại các DN xây dựng thuộc TCT Sông Đà

Thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật về cơ chế tổ chức hoạt động và chính sách kinh tế - tài chính đối trong và sau giai đoạn cổ phần hóa.

Tuân thủ và vận dụng linh hoạt các nguyên tắc, chuẩn mực và CĐKT trong tổ chức thu nhận, xử lý hệ thống hóa thông tin kế toán

Hoàn thiện tổ chức thực hiện, vận dụng các nguyên tắc, chuẩn mực kế toán, các kỹ thuật tính giá phục vụ xử lý, hệ thống hóa thông tin

3.3.2.2. Hoàn thiện tổ chức thực hiện, vận dụng các chính sách kinh tế tài chính và kế toán hiện hành phục vụ lập BCTC hợp nhất

Đối với kỹ thuật đánh giá sản phẩm dở dang và xác định chi phí SXKDDD cuối kỳ, TCT Sông Đà cần xây dựng chính sách nhất quán chung đối với từng sản phẩm cùng loại và hướng dẫn các đơn vị thực hiện, đi đến bãi bỏ việc ấn định một cách chủ quan tỷ lệ lãi khi xác định chi phí SXKDDD như một số DN đang làm hiện nay và công bố công khai trong Thuyết minh BCTC về chính sách này.

Đối với việc vận dụng các nguyên tắc kế toán, chuẩn mực kế toán và kỹ thuật tính giá trong việc lượng hóa các giao dịch nội bộ phục vụ hợp nhất BCTC, TCT Sông Đà cần xây dựng thống nhất một cách phù hợp điều kiện của TCT cũng như các DN thành viên.

3.3.3. Hoàn thiện tổ chức thu nhận thông tin kế toán

3.3.3.1. Hoàn thiện tổ chức thu nhận thông tin kế toán ở các DN xây dựng thành viên

Xây dựng và thiết kế hệ thống CTKT áp dụng tại TCT và các DN thành viên.

Xây dựng quy trình lập, kiểm tra, ký duyệt, luân chuyển CTKT

Ban hành và hướng dẫn cho kế toán của các xí nghiệp, đội xây dựng, ban điều hành dự án các quy định về lập, kiểm tra và luân chuyển chứng từ.

3.3.3.2. Hoàn thiện tổ chức thu thập và luân chuyển thông tin giao dịch nội bộ

Hoàn thiện thêm và tích cực triển khai mô hình hợp nhất BCTC đã xây dựng, hướng dẫn cụ thể đến từng thành viên trách nhiệm thu thập thông tin và chuyển tài liệu giao dịch nội bộ cùng với các BCTC riêng về công ty mẹ.

3.3.4. Hoàn thiện tổ chức xử lý, hệ thống hóa thông tin kế toán

3.3.4.1. Hoàn thiện tổ chức xử lý, hệ thống hóa thông tin kế toán tại các DN xây dựng thành viên thuộc TCT

❖ Hoàn thiện hệ thống tài khoản kế toán

Một là, trên cơ sở hệ thống TKKT do Nhà nước ban hành, TCT cần xây dựng danh mục TKKT sử dụng phù hợp với đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý.

Hai là, Ban Tài chính - Kế toán TCT hướng dẫn hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu và đặc thù tại các DN thành viên để đảm bảo tính thống nhất.

❖ Hoàn thiện tổ chức hệ thống sổ kế toán và hình thức kế toán

Một là, bổ sung các mẫu sổ kế toán theo dõi chi tiết các giao dịch nội bộ phục vụ hợp nhất BCTC vào chương trình phần mềm kế toán để có thể thực hiện in sổ ngay từ phần mềm.

Hai là, ban hành các quy định về thời gian và trách nhiệm của nhân viên kế toán đối với việc kết chuyển, khóa sổ, và in sổ kế toán trong điều kiện ứng dụng phần mềm kế toán.

3.3.4.2. Hoàn thiện tổ chức xử lý, hệ thống hóa thông tin kế toán phục vụ hợp nhất Báo cáo tài chính

Ban Tài chính kế toán TCT cần ban hành thống nhất hệ thống mẫu SKT chi tiết phản ánh các giao dịch nội bộ phục vụ lập BCTCHN

3.3.5. Hoàn thiện tổ chức cung cấp thông tin kế toán

3.3.5.1. Hoàn thiện tổ chức lập BCTC ở TCT Sông Đà và các DN xây dựng thành viên

(a). Hoàn thiện hệ thống Báo cáo tài chính

Một là, thực hiện đầy đủ, đúng quy định các chính sách kế toán và công việc xử lý số liệu cuối kỳ trước khi lập BCTC.

Hai là, hoàn thiện cung cấp thông tin tài chính hợp nhất tại CTM và các CTC cấp 1 có đầu tư vốn vào các CTC cấp 2 theo hướng mở rộng hơn.

(b). Hoàn thiện hệ thống Báo cáo quản trị

Bổ sung các báo cáo định hướng SXKD và báo cáo phân tích biến động giữa định hướng với kết quả thực hiện; Xây dựng các báo cáo định hướng SXKD và báo cáo phân tích biến động giữa định hướng và kết quả thực hiện.

3.3.5.2. Thực trạng tổ chức lập BCTC hợp nhất

Việc lập, trình bày các BCTCHN cần thực hiện đầy đủ và triệt để hơn nữa các quy định và hướng dẫn đối với thủ tục điều chỉnh-loại trừ các giao dịch nội bộ theo TT202/2014/TT-BTC.

- *Đối với Bảng cân đối kế toán hợp nhất*: Căn cứ số liệu hợp nhất trên sổ kế toán hợp nhất TCT Sông Đà năm 2019, một số các bút toán điều chỉnh-loại trừ cần bổ sung và tiếp tục hoàn thiện đối với giao dịch nội bộ về CPSXKDDD, TSCĐ:

- *Đối với BCKQHĐKD hợp nhất của TCT Sông Đà*: cần thực hiện bổ sung bút toán điều chỉnh-loại trừ lãi/lỗ nội bộ chưa thực hiện, trên cơ sở đã thu thập đầy đủ

thông tin nguồn và lập được Bảng tổng hợp doanh thu nội bộ, giá vốn nội bộ, lãi/lỗ nội bộ.

- *Hoàn thiện Báo cáo LCTT hợp nhất*: sự thống nhất phương pháp lập BCLCTT đến tất cả các thành viên phù hợp với phương pháp lập phôi biến chung trong TCT.

- *Hoàn thiện tổ chức lập Thuyết minh BCTCHN*: Cần thiết trình bày đầy đủ thông tin các bên liên quan, đặc biệt là các giao dịch nội bộ tập đoàn được loại trừ khỏi BCTCHN.

(b). Hoàn thiện công tác phân tích BCTC

Cần xây dựng chiến lược và lập kế hoạch SXKD dài hạn một cách có căn cứ và xem đó là một phần quan trọng của sự cam kết với các đối tượng sử dụng thông tin.

3.3.6. Hoàn thiện tổ chức công tác kiểm tra kế toán

Công tác kiểm tra kế toán cần phải được thực hiện thường xuyên, định kỳ và đột xuất trong các khâu thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin.

3.4. Điều kiện thực hiện các giải pháp

3.4.1. Điều kiện từ phía cơ quan nhà nước

Thứ nhất, Về hệ thống lý luận và nhận thức

Hệ thống lý luận và nhận thức về các DN xây dựng thuộc TCT có vốn Nhà nước hoạt động theo mô hình CTM-CTC, về TCCTKT tại các DN xây dựng trong bối cảnh tái cơ cấu, về BCTCHN... ở Việt Nam cần có sự hoàn thiện thống nhất để định hướng cho thực hiện.

Để tạo cơ sở cho các DN xây dựng thuộc TCT Sông Đà hoàn thiện TCCTKT thì Nhà nước cũng cần phải tiếp tục hoàn thiện môi trường pháp lý theo các hướng sau:

- Nâng cao chất lượng hệ thống thông tin kinh tế - tài chính - ngân sách thông qua việc hoàn thiện và nghiêm túc thực thi các văn bản kế toán;

- Luật hóa các quy định dưới luật về quản lý và sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào DN;

- Hoàn thiện và nâng cao chất lượng chuẩn mực BCTC quốc tế (IFRS)

Thứ hai, Về hệ thống pháp lý kế toán hướng dẫn tổ chức công tác kế toán đối với TCT Sông Đà và các DN xây dựng thành viên

Hoàn thiện các nội dung hướng dẫn về SKT hợp nhất, các Bảng tổng hợp kết quả hợp nhất theo hướng dẫn bao quát đủ các bút toán hợp nhất, bổ sung phản ánh lợi thế thương mại, các bút toán điều chỉnh để xác định lợi ích cổ đông thiểu số;

Hoàn thiện các nội dung hướng dẫn về bút toán loại trừ doanh thu và giá vốn hàng bán nội bộ; Lãi/lỗ nội bộ chưa thực hiện; Bổ sung bút toán loại trừ đối với các giao dịch nội bộ khác như: TSCĐ, doanh thu và chi phí tài chính, thu nhập và chi phí khác,...

Cần có bộ BCTCHN hoàn chỉnh để minh họa một cách đồng bộ, nhất là thuyết minh BCTCHN. Hiện nay, những quy định và hướng dẫn đối với báo cáo này chưa có tính hệ thống vì nó nằm rải rác ở nhiều Chuẩn mực kế toán liên quan BCTCHN như VAS 21, VAS 25, VAS 07, VAS 08, VAS 26, VAS 28,...

Thứ ba, Về môi trường nghề nghiệp kế toán kiểm toán phát triển và nhu cầu thông tin được xã hội hóa

TCT phải tích cực và trách nhiệm hơn trong việc tổ chức cung cấp thông tin tài chính đến các đối tượng sử dụng thông tin, đặc biệt là trong bối cảnh tái cơ cấu DN.

3.4.2. Điều kiện từ phía Tổng công ty Sông Đà

Thứ nhất, Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và kiến thức tin học cho người làm kế toán. Với điều kiện hiện nay hệ thống kế toán ở Việt Nam cần phải phù hợp với yêu cầu hội nhập kế toán quốc tế dẫn đến việc tiếp cận đến sự đổi mới của các chuẩn mực kế toán còn gặp khó khăn đặc biệt là những vấn đề về hợp nhất BCTC. Do vậy, cần phải có nhiều chương trình tập huấn hơn về vấn đề này.

Thứ hai, Tổ chức lại bộ máy kế toán phù hợp với yêu cầu mới. Bộ máy kế toán đối với công tác lập BCTCHN thì vẫn chưa đáp ứng được, một phần do các đối tượng liên quan chưa thấy rõ được tầm quan trọng, sự cần thiết của BCTCHN, một phần do vấn đề này tương đối mới, tương đối phức tạp.

Thứ ba, Tổ chức sử dụng và nâng cao ứng dụng CNTT trong kế toán. Để nâng cao hiệu quả hoạt động của người làm kế toán và cung cấp thông tin kế toán đảm bảo tin cậy và hữu ích nhằm phục vụ yêu cầu quản trị DN nói riêng và phục vụ yêu cầu của các đối tượng sử dụng thông tin nói chung.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trên cơ sở lý luận về TCCTKT ở các DN xây dựng có vốn Nhà nước và thực tiễn việc TCCTKT ở các DN xây dựng thuộc TCT Sông Đà trong bối cảnh tái cơ cấu, chương 3 đã giải quyết mục tiêu cuối cùng của luận án; đó là đề xuất các nội dung cần hoàn thiện đối với vấn đề TCCTKT ở các DN xây dựng thuộc TCT Sông Đà. Hoàn thiện TCCTKT có ý nghĩa quan trọng giúp các DN vượt qua khó khăn, hướng đến sự phát triển ổn định, bền vững và thực hiện thành công Đề án tái cơ cấu.

Để đảm bảo các nội dung hoàn thiện là thiết thực và hữu ích, tác giả đã đưa ra những nguyên tắc cơ bản để định hướng cho các nội dung hoàn thiện. Các giải pháp hoàn thiện TCCTKT tại các DN xây dựng thuộc TCT được đề cập trong luận án phù hợp với đặc điểm hoạt động, quy mô và yêu cầu quản lý của các DN xây dựng thuộc TCT. Trong đó, tác giả nhấn mạnh đến các đề xuất đối với TCT nhằm thống nhất các chính sách kế toán trong Tổng công ty.

Để tạo điều kiện thực hiện các giải pháp, tác giả đã đưa ra các điều kiện đối với Nhà nước và các cơ quan chức năng và đối với chính TCT nhằm tạo các điều kiện thuận lợi cho các DN trong quá trình hoạt động, xây dựng và hoàn thiện tổ chức công tác kế toán.

KẾT LUẬN

Với mục đích nghiên cứu, hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại các DN xây dựng thuộc TCT Sông Đà, luận án đã đạt được một số kết quả cụ thể sau:

Hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về TCCTKT trong DN; Trên cơ sở đó làm rõ những đặc điểm cơ bản của DN xây dựng hoạt động theo mô hình CTM-CTC và các nhân tố ảnh hưởng chi phối đến TCCTKT tại DN này. Tác giả đã tập trung nhấn mạnh đến tổ chức công tác kế toán tại các DN thành viên và tổ chức công tác kế toán phục vụ lập, trình bày BCTCHN.

Luận án đã khái quát được quá trình hình thành và phát triển của TCT Sông Đà đồng thời cũng đã phân tích và làm rõ đặc điểm về tổ chức hoạt động, tổ chức quản lý, mối quan hệ giữa các DN với nhau để làm rõ ảnh hưởng của nó đến TCCTKT trong DN này. Trên cơ sở thực hiện điều tra khảo sát, tác giả đã thu thập được những thông tin cơ bản phản ánh thực trạng TCCTKT tại các DN xây dựng thuộc TCT Sông Đà. Từ đó phân tích, đánh giá rút ra được những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế mà các DN cần khắc phục và hoàn thiện đảm bảo đạt được các mục tiêu của TCCTKT trong DN này, đặc biệt là phục vụ hợp nhất BCTC và đặt trong bối cảnh tái cơ cấu doanh nghiệp.

Nhằm định hướng cho các nội dung hoàn thiện, luận án đã nêu ra những phương hướng và nguyên tắc cơ bản cần phải tuân thủ khi hoàn thiện TCCTKT tại các DN xây dựng thuộc TCT Sông Đà. Trên cơ sở phân tích hạn chế tổ chức công tác kế toán tại các doanh nghiệp xây dựng thuộc TCT Sông Đà, luận án đã đề xuất các giải pháp hoàn thiện cụ thể về tổ chức công tác kế toán theo quy trình kế toán. Để thực hiện được các giải pháp, luận án cũng chỉ rõ các điều kiện cơ bản về phía Nhà nước, các cơ quan chức năng và TCT Sông Đà nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong việc hoàn thiện TCCTKT trong DN.

Mặc dù những vấn đề được đưa ra còn mang tính khái quát cao nhưng sẽ góp phần không nhỏ để các DN xây dựng thuộc TCT Sông Đà có thể hoàn thiện tổ chức công tác kế toán của mình. Tuy nhiên, trong quá trình nghiên cứu do nhiều điều kiện hạn chế, luận án không thể tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế nhất định. Tác giả rất mong nhận được ý kiến đóng góp của thầy cô, đồng nghiệp, các nhà quản lý tại các DN xây dựng thuộc TCT Sông Đà để luận án được hoàn thiện hơn, có giá trị lý luận và thực tiễn cao hơn.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ

1. Trần Thị Tuyết (2014), *Vận dụng phương pháp tính giá nhằm tăng cường tính minh bạch trong việc xác định giá trị tài sản của doanh nghiệp Việt Nam*, tham gia, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ, Bộ Tài chính.
2. Trần Thị Tuyết (2015), *Tác động của các hiệp định kinh tế mới (TPP & EVFTA) đến vấn đề cạnh tranh trong lĩnh vực dịch vụ kế toán tại Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp Học viện, Học viện Tài chính.
3. Trần Thị Tuyết (2015), *Hoạt động dịch vụ kế toán Việt Nam khi các hiệp định thương mại tự do mới có hiệu lực*, Tạp chí Nghiên cứu tài chính kế toán số 09.
4. Trần Thị Tuyết (2016), *Đổi mới tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp khi Việt Nam tham gia Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP)*, Tạp chí Nghiên cứu tài chính kế toán số 10.
5. Trần Thị Tuyết (2017), *Một số yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp xây dựng có vốn nhà nước*, Tạp chí Nghiên cứu tài chính kế toán số 05.
6. Trần Thị Tuyết (2018), *Tác động của tái cơ cấu đến tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp xây dựng thuộc Tổng công ty Sông Đà*, Tạp chí Nghiên cứu tài chính kế toán, số 08 (181)
7. Trần Thị Tuyết (2019), *Vận dụng tổ chức công tác kế toán tại các doanh nghiệp xây dựng trong bối cảnh tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước và Cách mạng công nghiệp 4.0*, Tạp chí Nghiên cứu tài chính kế toán, số 07 (192).
8. Trần Thị Tuyết (2020), *Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa chuẩn mực kế toán và chính sách thuế đối với doanh nghiệp ở Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp Học viện, Học viện Tài chính.